

Số: 08/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-KĐCL ngày 09/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-KĐCL ngày 19/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXI ngày 11-12/02/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,96	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,92
Tiêu chuẩn 1	4,00	Tiêu chuẩn 13	4,00
Tiêu chuẩn 2	4,00	Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 3	3,75	Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 4	4,00	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00	Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,14	Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 7	4,00	Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 8	3,75	Tiêu chuẩn 20	3,75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,01	Tiêu chuẩn 21	3,75
Tiêu chuẩn 9	4,00	Mục 4. Kết quả hoạt động	3,83
Tiêu chuẩn 10	4,50	Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chuẩn 11	3,75	Tiêu chuẩn 23	3,83
Tiêu chuẩn 12	3,80	Tiêu chuẩn 24	4,00
		Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

*(Kèm theo Nghị quyết số: 08/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 giai đoạn 2017-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục được xây dựng, rà soát, cập nhật phù hợp với bối cảnh và yêu cầu của ngành giáo dục. Hệ thống quản trị, cơ cấu quản lý được thiết lập đáp ứng quy định của Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kế hoạch chiến lược thể hiện được triết lý, mục tiêu và các chiến lược, chính sách phù hợp để triển khai các hoạt động trọng tâm về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ được rà soát và thực hiện có kết quả; đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng nhanh qua các năm. Kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất được thực hiện tuân thủ cao theo quy định của Nhà nước, các Bộ và hướng dẫn, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Các mục tiêu về quan hệ đối ngoại, xây dựng mạng lưới các đối tác trong và ngoài nước được quan tâm trong kế hoạch chiến lược phát triển các giai đoạn.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập, phân công và vận hành; đội ngũ cán bộ chuyên trách được ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng; chiến lược đảm bảo chất lượng được xây dựng bài bản với mục tiêu, chỉ số thực hiện chính và triển khai thực hiện hằng năm. Các hoạt động đánh giá cấp nhà trường và chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn quốc gia được triển khai hiệu quả; các cải tiến để hoàn thiện hệ thống quản trị, quản lý đã được thực hiện. Văn bản, quản lý thông tin đảm bảo chất lượng được thiết lập, lưu trữ, phổ biến và ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ các cấp ra quyết định; kế hoạch tổng thể nâng cao chất lượng mọi lĩnh vực hoạt động và quy định về đối sánh, so chuẩn được xây dựng và triển khai tích cực.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh, công tác thông tin về tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh được chú trọng thực hiện có hiệu quả; kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh, nhập học được quan tâm thực hiện có nền nếp. Thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo được ban hành và triển khai có kết quả; chương trình dạy học được điều chỉnh theo hướng tăng các hoạt động rèn luyện kỹ năng cho người học thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra với chương trình, phương pháp dạy học hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Các hoạt động hỗ trợ, giám sát người học được xác lập và vận hành đa dạng, hiệu quả; đời sống tinh thần, môi trường tâm lý, xã hội của sinh viên được quan tâm cải thiện thông qua nhiều hoạt động. Chính sách hỗ trợ, khen thưởng, đầu tư bước đầu tạo động lực cho cán bộ, giảng viên và người học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học mang lại kết quả đáng khích lệ về số lượng và chất lượng nghiên cứu. Mạng lưới kết nối và phát triển hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được thiết lập theo chiều sâu đạt nhiều kết quả, đặc biệt trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ sinh viên.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai khá đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra có theo dõi, giám sát, đánh giá và đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các chương trình đào tạo; tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp cao. Kết quả nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ đạt được đáng khích lệ; nhiều kết quả nghiên cứu có tiềm năng thương mại. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đã có nhiều tác động xã hội tích cực, giúp cán bộ giảng viên, người học có nhận thức tích cực và gắn bó với Nhà trường. Kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập và duy trì, có sự gia tăng và cải thiện.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tăng cường tham khảo ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn tính đến bối cảnh, xu hướng về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và khát vọng xây dựng Việt Nam phồn vinh, hùng cường; hợp tác sâu rộng, hiệu quả với các bên để trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, phát triển Vĩnh Yên và Thủ đô Hà Nội. Nâng cao năng lực của cán bộ, giảng viên, người học trong vận dụng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục vào các hoạt động để phát triển Nhà trường; ứng dụng quản trị tiên tiến, công nghệ số, thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và thích ứng với các cơ chế quản lý hiện hành để có hiệu quả cao trong các hoạt động.

2. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, quản trị theo sứ mạng, tầm nhìn, thành tựu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và quy trình PDCA với sự tham gia của các bên liên quan; nâng cao năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm và khả năng quản trị rủi ro mọi hoạt động của hệ thống quản trị dựa vào bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ về quản trị đại học, phân công trách nhiệm để phát huy thế mạnh của từng cơ quan quản trị và tạo môi trường thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cống hiến để nâng cao hiệu quả hoạt động, uy tín, thương hiệu của Nhà trường. Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển dựa vào sự cân bằng, hài hoà lợi ích của các bên liên quan và trách nhiệm giải trình đảm bảo tính bền vững của các hoạt động trong hệ thống quản trị.

3. Xác định các giải pháp hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ đại học về tài chính, tổ chức bộ máy và chuyên môn đặc biệt coi trọng quy hoạch, phát triển chương trình đào tạo; kiện toàn và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng của Hội đồng trường phù hợp với yêu cầu tự chủ các cơ sở giáo dục đại học tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP; hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động làm căn cứ thực hiện quản trị, quản lý, điều hành theo cơ chế tăng cường tự chủ và phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực hoạt động.

4. Làm nổi bật trong Chiến lược về: vị thế của Nhà trường trong hệ thống trường sư phạm, thương hiệu, thế mạnh của trường đại học sư phạm đặt tại địa phương; định vị rõ sứ mạng của Trường trong vùng Trung du miền núi Bắc bộ. Xác định chiến lược phát triển mới theo xu hướng đa ngành, phát triển bền vững tránh rủi ro mất cân bằng trong tuyển sinh và gắn với phát triển mạnh khoa học giáo dục, tư vấn chính sách, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ hiệu quả. Xác định giải pháp truyền thông rộng rãi và khai thác các bên liên quan, chính quyền địa phương trong triển khai kế hoạch chiến lược và quan tâm đến khả năng “dịch chuyển”

của giảng viên về chuyên môn trước các yêu cầu phát triển chương trình giáo dục đại học, nhất là đại học sư phạm.

5. Bổ sung mục tiêu chiến lược và chính sách đến 2030 -2040 theo hướng mở rộng các lĩnh vực, trong đó lưu ý thị trường lao động của nền kinh tế số, chiến lược giáo dục của đất nước tiếp cận chuẩn khu vực và quốc tế; cụ thể hoá mô hình quản trị tiên tiến và đánh giá tác động và mức độ hài lòng của các bên liên quan trong quá trình rà soát, xây dựng các chính sách; ban hành một số chính sách mang tính đột phá về phát triển đội ngũ, về đào tạo, nghiên cứu khoa học và quy định cụ thể các nội dung hoạt động phục vụ cộng đồng để tăng cường tư vấn chính sách giáo dục, chuyển giao công nghệ và trở trung tâm của đổi mới sáng tạo, trung tâm văn hoá của cộng đồng và chuyển giao tri thức.

6. Xây dựng chính sách và cơ chế để thu hút cán bộ, giảng viên trình độ cao và các chuyên gia đầu ngành; chi tiết hóa nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng; tiếp tục thực hiện phân công, đánh giá kết quả theo bộ tiêu chí KPIs và cải tiến cơ chế ghi nhận, đãi ngộ theo hiệu quả, kết quả thực hiện; triển khai đánh giá năng lực và đào tạo phát triển năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên theo vị trí việc làm; tăng cường đào tạo lại, luân chuyển và sắp xếp để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp; thường xuyên khảo sát sự hài lòng đối với các bên liên quan về chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực để cải tiến.

7. Bổ sung chiến lược tài chính và các biện pháp quản trị rủi ro trong chiến lược phát triển; đa dạng và tăng nguồn thu tài chính ngoài học phí, lệ phí (tu vấn, chuyển giao công nghệ, liên kết, hợp tác, dịch vụ và đào tạo ngắn hạn); có cơ chế quản lý để tối ưu hóa khai thác cơ sở vật chất, hạ tầng tại các khuôn viên theo hướng tự chủ tài chính và quan tâm tính hiệu quả; có các giải pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại các phòng ở và tổ chức khai thác hiệu quả, hiện đại hơn các phân khu chức năng trong khu ký túc xá sinh viên; rà soát bổ sung học liệu đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các chương trình đào tạo, tăng cường cơ sở dữ liệu trực tuyến, đồng bộ phần mềm để sớm khai thác hiệu quả thư viện điện tử và hệ thống quản lý đào tạo LMS theo mô hình đại học thông minh; có quy trình để đánh giá hiệu quả khai thác cơ sở vật chất để cải tiến.

8. Ban hành chính sách cụ thể về hợp tác trong nước và phát huy vai trò đơn vị đầu mối để hoàn thiện bộ công cụ, các chỉ báo (KPIs) trong rà soát tổng thể cơ chế hợp tác mạng lưới đối tác để có cải tiến theo hướng hiệu quả; cần rà soát mạng lưới để xây dựng các đối tác chiến lược và lựa chọn lĩnh vực hợp tác hiệu quả trong đó ưu tiên các đầu tư nghiên cứu đỉnh cao, nghiên cứu có khả năng ứng dụng; có các chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích các đơn vị, cá nhân tăng cường và phát huy hiệu quả các liên kết, hợp tác với nhà đầu tư, doanh nghiệp trong chuyển giao và thương mại hóa.

9. Hoàn thiện hệ thống văn bản về đảm bảo chất lượng bên trong và ban hành chính sách chất lượng để hướng dẫn thực hiện; xây dựng chiến lược, kế hoạch đảm bảo chất lượng để thực hiện đồng bộ với kế hoạch chiến lược trường; thực hiện rà soát, đánh giá quy trình lập kế hoạch các hoạt động, các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu chính và tình hình thực tế của các đơn vị để tiếp tục cải tiến nhằm thực hiện được đầy đủ các mục tiêu chiến lược và mục tiêu về đảm bảo chất lượng. Tăng cường các hình thức truyền thông, phổ biến về chính sách chất lượng để nâng cao nhận thức và ý thức đối với công tác đảm bảo chất lượng để phát triển văn hoá chất lượng trong nhà trường.

10. Nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong

tự đánh giá và đánh giá ngoài để tăng sự hiểu biết, đồng thuận và tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động đảm bảo chất lượng; nghiên cứu, phân tích sâu sắc các phát hiện của tự đánh giá và đánh giá ngoài, xây dựng giải pháp, huy động các nguồn lực phù hợp để các cải tiến được triệt để và thực chất; nên tiếp tục rà soát quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài, trên cơ sở đánh giá các kết quả đạt được, phân tích những thuận lợi, khó khăn trong từng khâu của quy trình để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

11. Phân công trách nhiệm đầu mối, bộ phận phối hợp xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng phần mềm tích hợp trong quản lý các thông tin về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và hướng dẫn các đơn vị liên quan trong phân tích, xử lý để khai thác; tăng cường thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan và có quy trình thống nhất thực hiện rà soát bổ sung, điều chỉnh để cải tiến hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng đặc biệt về phục vụ cộng đồng để hỗ trợ tốt hơn trong quản lý các lĩnh vực công tác của Nhà trường.

12. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành quy định và hướng dẫn về so chuẩn đối sánh chất lượng giáo dục trong đó thể hiện mục đích, các nội dung, các tiêu chí lựa chọn đối sánh, quy trình so chuẩn đối sánh đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn. Các nội dung đối sánh cần bao quát hết mọi lĩnh vực hoạt động bao gồm quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng. Phân tích đầy đủ kết quả đối sánh, so chuẩn và sử dụng để xây dựng các giải pháp cải tiến toàn diện và thúc đẩy, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin và kết quả so chuẩn và đối sánh để phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành các lĩnh vực hoạt động.

13. Xây dựng chính sách đột phá để thu hút thí sinh, nhất là thí sinh khá và giỏi đăng ký xét tuyển; đổi mới công tác truyền thông tuyển sinh cả về nội dung lẫn phương thức để thí sinh hiểu rõ hơn về ngành nghề đào tạo của Nhà trường, đặc biệt là những ngành đặc thù, ngành mới, ngành ngoài sư phạm; tham khảo rộng rãi các chính sách phát triển và nhu cầu xã hội có liên quan đến các chương trình đào tạo trong xây dựng đề án tuyển sinh; cần phân tích đa chiều kết quả tuyển sinh để thay đổi chính sách tuyển sinh và từng bước nâng cao chất lượng đầu vào. Thực hiện quy hoạch lại các chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội và đặc thù của Nhà trường.

14. Ban hành quy định về phát triển chương trình đào tạo cập nhật các yêu cầu tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và bổ sung quy trình giám sát đảm bảo sự phù hợp; ban hành chính thức mẫu đề cương chi tiết học phần đảm bảo logic giữa mức đóng góp chuẩn đầu ra học phần, chương trình dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo lưu ý sự tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo và vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp, mục tiêu với các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

15. Ban hành quy định, phổ biến và hướng dẫn giảng viên xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, đạt được chuẩn đầu ra; đặc biệt chú ý xác định các chuẩn đầu ra về kỹ năng, năng lực nghề nghiệp để thiết kế các hình thức, hoạt động dạy, học gắn với từng nội dung và phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra; đẩy mạnh các hoạt động liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để gửi sinh viên đi thực tập thực tế; đẩy mạnh các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng mềm cho sinh viên và ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra của học phần.

16. Ban hành quy định, hướng dẫn giảng viên lựa chọn các loại hình đánh giá phù hợp

với chuẩn đầu ra; định kỳ thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, chính xác và khách quan, công bằng; thiết kế, lựa chọn các hình thức thi, kiểm tra đa dạng, phù hợp để đánh giá mức độ đạt được của mỗi chuẩn đầu ra của học phần, nhất là hình thức đánh giá kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và năng lực học tập suốt đời của người học; có giải pháp để đảm bảo mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá chương trình đào tạo để cải tiến chất lượng theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

17. Rà soát, ban hành văn bản quy định, hướng dẫn nội dung chi tiết các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học; làm rõ hệ thống giám sát người học (phần mềm quản lý; cơ sở dữ liệu đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của người học); quy định tiêu chí và đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; thực hiện khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác hỗ trợ và giám sát người học một cách hệ thống, khoa học hơn để cải tiến chất lượng.

18. Rà soát, đánh giá và phân tích đối sánh kết quả đạt được trong chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ và các cơ chế, chính sách hiện hành để điều chỉnh, hoàn thiện chính sách và các giải pháp phù hợp để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu chiến lược; phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với đa dạng hóa tìm kiếm nguồn kinh phí từ các địa phương, doanh nghiệp và các giải pháp đột phá để thúc đẩy các nghiên cứu khoa học đỉnh cao, chuyển giao thương mại hóa kết quả; hoàn thiện công tác quản trị hoạt động khoa học công nghệ theo hướng tích hợp cập nhật các văn bản quản lý, hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với thực tiễn hoạt động khoa học công nghệ.

19. Xây dựng chính sách hỗ trợ để thúc đẩy cán bộ khoa học đăng ký bản quyền sáng chế, bằng giải pháp hữu ích cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học; ban hành văn bản công bố chính thức về danh mục và rà soát, đánh giá hệ thống tài sản trí tuệ của trường; tăng cường thực hiện lấy ý kiến đánh giá và phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan để đánh giá, cải tiến công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ và bảo hộ đối với trường và cán bộ giảng viên; xây dựng chiến lược và các giải pháp cụ thể cho việc tăng nhanh hoạt động chuyển giao, thương mại hóa để khai thác thương mại tài sản trí tuệ và đóng góp cho phát triển kinh tế-xã hội, phục vụ cộng đồng.

20. Tiếp tục rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học quan tâm đến tính hiệu quả trong hợp tác, phát triển quan hệ hợp tác cả chiều rộng và chiều sâu, thu hút đội ngũ chuyên gia có uy tín chuyên môn cao trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác; chú trọng các đối tác chiến lược có thế mạnh trong các lĩnh vực theo định hướng có các sản phẩm đáp ứng mục tiêu chiến lược và thúc đẩy chuyển giao.

21. Hoàn thiện hệ thống văn bản về công tác kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, trong đó quy định rõ quy trình quản lý, đơn vị cá nhân đầu mối, cơ chế kiểm tra, giám sát; xây dựng bộ chỉ số đánh giá, giám sát và đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng đối với từng loại hoạt động; xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động phục vụ cộng đồng để hỗ trợ xây dựng chính sách và thuận tiện trong giám sát, quản lý; tăng cường các hoạt động chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp gắn với tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ đóng góp cho phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

22. Giám sát chặt chẽ số sinh viên thôi học của tất cả các chương trình đào tạo trong quá trình học, đối sánh để có giải pháp khắc phục; thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thôi

học, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên cùng chương trình đào tạo với các trường đại học để có biện pháp cải tiến chất lượng; đổi mới và đa dạng hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên; tăng cường khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, nhất là đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên sau tốt nghiệp của tất cả các ngành đào tạo để có giải pháp nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

23. Quy định và triển khai việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về hoạt động khoa học công nghệ một cách hệ thống; lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thực hiện đồng bộ đối sánh bên trong và bên ngoài các hoạt động khoa học công nghệ để xác lập mục tiêu, các chỉ số phấn đấu nhằm thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích đánh giá và sử dụng dữ liệu phân tích sau phản hồi để cải tiến các chính sách, cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; xác định giải pháp đột phá đẩy mạnh sản phẩm nghiên cứu khoa học, sáng tạo và đăng ký tài sản trí tuệ, tạo môi trường sinh thái khởi nghiệp thông qua cơ chế hỗ trợ và hình thành các đơn vị, doanh nghiệp để đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, sản xuất thử và thương mại hóa để phát huy thế mạnh sẵn có, phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực.

24. Ban hành các quy định về nội dung, chỉ số, chỉ báo về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; phân công đơn vị đầu mối quản lý; giám sát, tổng kết đánh giá kết quả và tác động xã hội của các hoạt động; làm rõ tác động và sự hài lòng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; khảo sát, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan; xây dựng cơ sở dữ liệu làm cơ sở cho việc xây dựng tiêu chí, mục tiêu phấn đấu và cải tiến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường.

25. Phân tích, đối sánh thường xuyên các chỉ số về kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng để cải tiến theo hướng bền vững và tự chủ; xác lập các chỉ số thị trường (thị phần, thứ hạng, mức độ cạnh tranh, v.v) của các hoạt động và căn cứ các chỉ số xếp hạng trong và ngoài nước đã tham gia để có hướng dẫn các đơn vị phân tích, đối sánh và thiết lập các chỉ số về kết quả và thị trường để theo dõi, đánh giá tiếp tục cải tiến chất lượng các hoạt động và nâng cao uy tín, thương hiệu.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
